

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép đổi tên Liên đoàn Cờ tỉnh Bình Định thành Liên đoàn Cờ tỉnh Gia Lai và phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Cờ tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Công văn số 1911/BNV-TCPCP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Theo đề nghị của Chủ tịch Liên đoàn Cờ tỉnh Bình Định và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 259/SNV-TCBC ngày 27 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cho phép đổi tên Liên đoàn Cờ tỉnh Bình Định thành Liên đoàn Cờ tỉnh Gia Lai và phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Cờ tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Liên đoàn Cờ tỉnh Gia Lai có trách nhiệm thông báo việc đổi tên Liên đoàn đến các cơ quan, tổ chức liên quan và toàn thể hội viên; tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Liên đoàn Cờ tỉnh Gia Lai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thanh Lịch

ĐIỀU LỆ LIÊN ĐOÀN CỜ TỈNH GIA LAI
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND*
ngày tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Liên đoàn Cờ tỉnh Gia Lai
- Tên tiếng nước ngoài: Gia Lai Chess Federation (GLCF).
- Tên viết tắt: LĐCGL
- Biểu tượng:



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

- Liên đoàn Cờ tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Liên đoàn Cờ) là tổ chức xã hội về lĩnh vực thể thao có tính chất văn hóa, nghề nghiệp, tập hợp rộng rãi mọi người chơi và hoạt động về các loại cờ của mọi tầng lớp trong xã hội đam mê và yêu thích môn cờ, tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- Phát triển phong trào chơi cờ cho mọi đối tượng, đặc biệt là thanh thiếu niên, học sinh để góp phần rèn luyện khả năng tư duy, bồi dưỡng những đức tính, phẩm chất tốt đẹp của con người mới, phục vụ cho công cuộc xây dựng và hiện đại hóa đất nước.
- Phổ biến cách chơi môn cờ và các hình thức tham gia tập luyện nhằm góp phần nâng cao đời sống tinh thần, sinh hoạt văn hóa lành mạnh của người dân.
- Hoạt động của Liên đoàn Cờ là nhằm phát huy vai trò chủ động của quần chúng, thu hút ngày càng nhiều người thích bộ môn Cờ thuộc mọi lứa tuổi, nâng cao trình độ người chơi, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng những thanh thiếu niên có năng khiếu trở thành những đấu thủ giỏi tham gia thi đấu các giải cờ trong nước và quốc tế, phấn đấu đạt những thành tích tốt nhất để góp phần khẳng định vị trí của nền thể thao tỉnh và quốc gia.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

- Liên đoàn Cờ có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động

theo pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên đoàn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Liên đoàn đặt tại: Số 302 đường Trần Hưng Đạo – Phường Quy Nhơn – Tỉnh Gia Lai.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Liên đoàn Cờ hoạt động phạm vi trong tỉnh, về lĩnh vực thể thao môn cờ vua, cờ tướng, cờ vây...

2. Liên đoàn chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban Nhân dân tỉnh, sự quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Liên đoàn Cờ hoạt động theo quy định pháp luật.

3. Phối hợp với các Liên đoàn Cờ trong nước phát triển mối quan hệ hợp tác, giao lưu với các tổ chức Cờ Quốc tế, tham gia thi đấu trao đổi kinh nghiệm, hợp tác tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức Quốc tế và Việt kiều về vật chất và nghiệp vụ để mở rộng sự hoạt động của Liên đoàn.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động và được hỗ trợ của Nhà nước theo Luật Thể dục Thể thao.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Cờ.

Chương II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA LIÊN ĐOÀN CỜ

Điều 6. Quyền của Liên đoàn Cờ

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Liên đoàn Cờ đã được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Liên đoàn Cờ.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Liên đoàn Cờ, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn Cờ.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn Cờ.
6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tham gia cung cấp dịch vụ công, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

8. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Liên đoàn Cờ theo quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn Cờ phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn Cờ.

9. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn Cờ. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Liên đoàn và lĩnh vực Liên đoàn hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn Cờ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn.

11. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

12. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn.

13. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).

14. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn.

15. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên đoàn.

16. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Liên đoàn

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Liên đoàn và điều lệ Liên đoàn.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Liên đoàn để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Liên đoàn Cờ chịu sự quản lý nhà nước của Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy

định tại Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn Cờ và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn Cờ.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Liên đoàn hoạt động, điều lệ, quy chế, quy định của Liên đoàn Cờ và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn tới hội viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên, trọng tài.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Liên đoàn theo quy định của pháp luật và điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Liên đoàn Cờ để làm cơ sở cho Liên đoàn Cờ tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn Cờ.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ, Liên đoàn Cờ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Liên đoàn Cờ hoạt động.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Liên đoàn Cờ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Liên đoàn hoạt động; đồng thời chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn Cờ.

12. Hàng năm, Liên đoàn Cờ phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Liên đoàn Cờ với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Liên đoàn hoạt động trước ngày 31 tháng 12.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên đoàn Cờ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ Liên đoàn Cờ.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Liên đoàn Cờ, so sánh, chứng từ về tài sản, tài chính của Liên đoàn, biên bản các cuộc họp ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra Liên đoàn Cờ.

16. Kinh phí thu được theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 22 Điều lệ này phải dành cho hoạt động Liên đoàn theo quy định của điều lệ Liên đoàn, không được chia cho hội viên.

17. Việc sử dụng kinh phí của Liên đoàn Cờ phải chấp hành quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật; Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn Cờ.

18. Ban hành các quy chế về hoạt động của ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra Liên đoàn Cờ; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Liên đoàn Cờ; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Liên đoàn; quản lý và sử dụng con dấu của Liên đoàn Cờ và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Liên đoàn Cờ.

19. Hướng dẫn, tổ chức, quản lý, phong trào tập luyện và thi đấu bộ môn Cờ theo quy chế quản lý do Nhà nước ban hành.

20. Tổ chức và tham gia các giải thi đấu trong và ngoài nước theo quy định của các tổ chức thể thao trong nước và các Liên đoàn Cờ Việt Nam.

21. Huy động các nguồn lực của xã hội, tổ chức các hình thức dịch vụ tạo nguồn kinh phí cho Liên đoàn Cờ hoạt động.

22. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Liên đoàn.

23. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Liên đoàn vào cơ sở dữ liệu về Liên đoàn và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về Liên đoàn.

24. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

25. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Liên đoàn Cờ gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự do điều lệ Liên đoàn Cờ quy định:

a) Hội viên chính thức: Tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Liên đoàn, tự nguyện gia nhập Liên đoàn Cờ, có thể trở thành hội viên chính thức của Liên đoàn Cờ.

b) Hội viên danh dự: Tổ chức, công dân Việt Nam có uy tín, có nhiều đóng góp đối với Liên đoàn được Liên đoàn Cờ mời làm hội viên danh dự của Liên đoàn Cờ.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Tổ chức, công dân Việt Nam tán thành điều lệ Liên đoàn Cờ, tự nguyện đăng ký tham gia Liên đoàn Cờ, đủ tiêu chuẩn hội viên theo quy định của điều lệ Liên đoàn Cờ có thể trở thành hội viên chính thức của Liên đoàn. Hội viên là tổ

chức Việt Nam thì đại diện tổ chức tham gia Liên đoàn phải là công dân Việt Nam;

b) Hội viên đăng ký tham gia thành lập Liên đoàn Cờ đương nhiên là hội viên chính thức của Liên đoàn Cờ;

3. Nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Nghị quyết, các quy định và quy chế của Liên đoàn Cờ;

4. Tích cực đóng góp vào sự phát triển của phong trào Cờ tỉnh;

5. Tham gia đầy đủ các buổi hội nghị khi được triệu tập. Hằng năm phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động tổ chức của mình được phân công theo dõi cho thường trực Liên đoàn.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Liên đoàn Cờ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp có liên quan đến tập luyện và thi đấu bộ môn Cờ theo quy định của pháp luật.

2. Được Liên đoàn Cờ cung cấp thông tin liên quan chuyên môn và được tham gia các hoạt động do Liên đoàn Cờ tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn Cờ; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến hoạt động của Liên đoàn Cờ.

4. Được dự Đại hội, được quyền giới thiệu đại diện tham gia Đại hội Đại biểu của Liên đoàn Cờ, được ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra theo quy định của Liên đoàn. Đề xuất, thảo luận về chủ trương, kế hoạch hoạt động và giám sát hoạt động Ban Chấp hành của Liên đoàn.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Liên đoàn.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được xin ra khỏi Liên đoàn Cờ khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Liên đoàn Cờ và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Liên đoàn Cờ.

10. Hội viên từ 18 tuổi trở lên có quyền đề cử, ứng cử, bầu cử Ban Chấp hành Liên đoàn.

11. Được tham gia các lớp học tập, các cuộc hội thảo, các khóa huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng do Liên đoàn Cờ tổ chức. Được hướng dẫn các phương pháp tập luyện, các hiểu biết về kỹ thuật, kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn.

12. Được giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để tập luyện, phát triển tài năng.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định và quy chế của Liên đoàn.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Liên đoàn; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Liên đoàn phát triển vững mạnh và tích cực đóng góp vào sự phát triển của phong trào cờ tỉnh.

3. Bảo vệ uy tín của Liên đoàn, không được nhân danh Liên đoàn trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên đoàn phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Liên đoàn.

5. Phải tham gia đều đặn, đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Liên đoàn.

6. Khi không còn hoạt động ở Liên đoàn Cờ phải bàn giao lại công việc và tài chính, tài sản có liên quan.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Liên đoàn

1. Đơn xin gia nhập Liên đoàn Cờ và được Ban Chấp hành xác nhận.

2. Nộp lệ phí theo quy định.

3. Các tổ chức thành viên không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình mà không có lý do chính đáng sẽ bị xóa tên trong danh sách các tổ chức thành viên của Liên đoàn Cờ.

4. Các tổ chức thành viên nếu có lý do không thể tiếp tục tham gia sinh hoạt, muốn ra khỏi Liên đoàn có đơn gửi Ban Chấp hành Liên đoàn Cờ và Ban Chấp hành sẽ xem xét quyết định.

5. Tổ chức hội viên các câu lạc bộ ở tại các địa phương trong tỉnh, được quyền kết nạp hội viên vào câu lạc bộ của mình theo quy định của pháp luật và báo cáo cho Ban Chấp hành biết để theo dõi chỉ đạo.

6. Hội viên không đóng lệ phí 06 tháng hoặc không sinh hoạt liên tục 06 tháng mà không có lý do chính đáng sẽ bị xóa tên trong danh sách của tổ chức cơ sở nơi sinh hoạt.

7. Các Hội viên nếu vì lý do không tiếp tục tham gia sinh hoạt phải có đơn xin ra khỏi tổ chức nơi cơ sở mình sinh hoạt và trả lại thẻ, bàn giao công việc và các văn bản có liên quan.

8. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về tiêu chuẩn, thủ tục kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Liên đoàn phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Liên đoàn

1. Đại hội

2. Ban Chấp hành

3. Ban Thường vụ
4. Ban Kiểm tra
5. Các Ban chức năng thuộc Liên đoàn

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại Hội nhiệm kỳ Liên đoàn Cờ tỉnh được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số Hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;

b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Liên đoàn Cờ; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Liên đoàn Cờ;

d) Thông qua điều lệ Liên đoàn Cờ hoặc thảo luận đổi tên Liên đoàn (nếu có), thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Liên đoàn; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Liên đoàn Cờ;

g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Liên đoàn Cờ;

h) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn (nếu có);

i) Thông qua Nghị quyết Liên đoàn Cờ.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) đại biểu chính thức được triệu tập tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Liên đoàn

1. Ban Chấp hành Liên đoàn Cờ là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do

Đại hội bầu trong số các Hội viên chính thức của Liên đoàn. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn, lãnh đạo mọi hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Liên đoàn;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Liên đoàn. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Liên đoàn; Quy chế chuyên môn; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Liên đoàn, các quy chế khác và quy định trong nội bộ của Liên đoàn phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn Cờ Việt Nam, Liên đoàn cờ tướng Việt Nam và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 30% so với số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Cờ;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ thành viên Ban Chấp hành tham gia cuộc họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên đoàn;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ Liên đoàn

1. Ban Thường vụ Liên đoàn Cờ do Ban Chấp hành bầu trong các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn Ban Thường vụ:

a) Giúp cho Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Liên đoàn Cờ theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức trực thuộc Liên đoàn Cờ;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn Cờ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Cờ.

b) Ban Thường vụ mỗi quý họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên đoàn hoặc trên $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên đoàn Cờ;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Liên đoàn gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và tối

đa 02 ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Liên đoàn trong hoạt động của các tổ chức thuộc Liên đoàn, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Liên đoàn, hội viên, các tổ chức thuộc Liên đoàn đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 17. Các Ban chức năng Liên đoàn

1. Văn phòng:

a) Đảm nhiệm toàn bộ các công việc mang tính hành chính phục vụ cho hoạt động của Liên đoàn.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng hoặc tự tổ chức các giải đấu, các sự kiện của Liên đoàn theo phê duyệt của Ban Thường vụ Liên đoàn.

c) Hỗ trợ các hội viên, câu lạc bộ thực hiện các nhiệm vụ cần thiết theo phê duyệt của Thường trực Liên đoàn.

d) Lưu trữ các văn bản đến và đi của Liên đoàn.

e) Ghi chép các kỳ họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn.

f) Dự thảo và ban hành các văn bản của Ban Thường vụ Liên đoàn.

g) Quản lý con dấu và tài chính Liên đoàn Cờ.

h) Báo cáo với Ban Chấp hành theo quy định.

2. Ban Chuyên môn:

a) Chịu trách nhiệm về hoạt động chuyên môn của Liên đoàn Cờ, xây dựng nội dung, chương trình huấn luyện cho các Câu lạc bộ, hội viên phù hợp với quy chế chuyên môn của Liên đoàn Cờ Việt Nam và Liên đoàn Cờ tướng Việt Nam.

b) Tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, trọng tài, huấn luyện viên đồng thời đề xuất lên Ban Thường vụ cử huấn luyện viên, trọng tài tham dự các lớp tập

huân do Liên đoàn Cờ Việt Nam, Liên đoàn Cờ tướng Việt Nam hoặc Cục Thể dục Thể thao tổ chức...

c) Tham mưu cho Ban Thường vụ đăng cai tổ chức thi đấu từ giải địa phương đến các giải quốc gia và quốc tế.

d) Phụ trách chuyên môn các giải đấu, các cuộc thi đấu giao lưu trong và ngoài nước.

3. Ban Tài chính và vận động tài trợ

a) Đảm nhiệm toàn bộ công việc vận động các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, nhằm tạo điều kiện cho Liên đoàn thực hiện tốt các kế hoạch, chương trình, hoạt động đạt kết quả cao nhất.

b) Tổ chức các hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực bộ môn Cờ theo quy định của pháp luật.

4. Ban Phát triển phong trào và khen thưởng:

a) Chịu trách nhiệm chăm lo phong trào tại cơ sở, phối hợp hoạt động và hỗ trợ các hoạt động, phát triển phong trào Cờ của Liên Đoàn Cờ.

b) Tham mưu, đề xuất lãnh đạo Liên đoàn Cờ các việc liên quan đến phát triển phong trào Cờ tại các địa phương trong tỉnh.

c) Thực hiện công tác phát triển các môn cờ mới (nếu có).

5. Ban Truyền thông và quan hệ đối ngoại:

a) Đại diện Liên đoàn Cờ trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn Cờ.

b) Phối hợp cùng văn phòng thực hiện các công việc tổ chức truyền thông, quảng bá, giới thiệu Liên đoàn Cờ đến với mọi tầng lớp nhân dân trong nước và ngoài nước thông qua các hoạt động thi đấu giao lưu, gắn với hoạt động du lịch, các sự kiện của tỉnh.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn

1. Chủ tịch Liên đoàn là đại diện của Liên đoàn trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Liên đoàn:

a) Tiêu chuẩn: Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có trình độ từ Đại học trở lên, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hoạt động Liên đoàn;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích;

- Độ tuổi từ 65 trở xuống, có đủ sức khỏe để tham gia

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh chủ tịch quá 02 Liên đoàn/hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Liên đoàn; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến chủ tịch Liên đoàn là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình với phong trào cờ của tỉnh, đã từng quản lý về lĩnh vực thể dục thể thao, có chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực thể thao.

- Có khả năng lãnh đạo, tổ chức và kết nối cộng đồng, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Liên đoàn.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Liên đoàn:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Liên đoàn, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Liên đoàn theo quy định Điều lệ Liên đoàn; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ; Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Liên đoàn;

d) Khi Chủ tịch Liên đoàn vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Liên đoàn được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Liên đoàn;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Liên đoàn.

4. Số lượng Phó Chủ tịch Liên đoàn: không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách, số lượng phó chủ tịch không chuyên trách do Liên đoàn tự quyết nhưng không quá 03 lần số lượng phó chủ tịch chuyên trách.

5. Phó Chủ tịch Liên đoàn: Do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Liên đoàn chỉ đạo, điều hành công tác của Liên đoàn theo sự phân công của Chủ tịch Liên đoàn; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên đoàn và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Liên đoàn phân

công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Liên đoàn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

Phó Chủ tịch Thường trực do Chủ tịch chỉ định sẽ thay mặt Chủ tịch khi vắng và ký các văn bản do Chủ tịch ủy nhiệm.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Liên đoàn:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn vi phạm pháp luật, Điều lệ Liên đoàn làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Liên đoàn hoặc bị Toà án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Liên đoàn phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn hoặc phân công người điều hành hoạt động của Liên đoàn trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Liên đoàn.

7. Đình chỉ công tác và cho phép tham gia trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

d) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Liên đoàn;

e) Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn.

Điều 19. Tổng Thư ký Liên đoàn Cờ

a) Là người giữ mối quan hệ giữa Liên đoàn và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức liên quan; là người chịu trách nhiệm thường trực của Ban Chấp hành về hoạt động của Liên đoàn.

b) Đảm bảo mối quan hệ với Liên đoàn cấp trên, các Liên đoàn quốc tế và các tổ chức thể thao khác.

c) Thực hiện công tác hành chính của Liên đoàn theo quy định trong điều lệ và các nghị quyết của Ban Chấp hành.

d) Chuẩn bị nội dung và trình bày công khai trước các cuộc họp khi được Ban Chấp hành ủy quyền.

e) Tổ chức thực hiện các nghị quyết trong các cuộc họp của Ban Chấp hành, lưu trữ và công khai các nghị quyết.

f) Hướng dẫn, giúp đỡ mọi hoạt động của các Ban Chuyên môn, các Hội và các câu lạc bộ ở cơ sở.

g) nắm vững và theo dõi việc sử dụng ngân sách theo đúng các quy định tài

chính hiện hành.

h) Thay mặt thường trực giải quyết những khiếu tố trong Liên đoàn và kịp thời báo cáo với thường trực Ban Chấp hành giải quyết những vụ việc ngoài khả năng.

i) Ký các văn bản do Chủ tịch ủy nhiệm.

j) Quyết định các khoản thu, chi liên quan đến công tác hành chính của Liên đoàn và phải có báo cáo cụ thể vào các cuộc họp định kỳ của Ban Chấp hành.

k) Các Phó Tổng Thư ký: Là người giúp việc cho Tổng Thư ký, được thay thế Tổng Thư ký khi Tổng Thư ký vắng mặt.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ LIÊN ĐOÀN

Điều 20. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên đoàn

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Liên đoàn thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Liên đoàn, nghị quyết Ban Chấp hành Liên đoàn và các quy định pháp luật có liên quan.

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Liên đoàn

Việc thu hồi con dấu đối với Liên đoàn đổi tên, Liên đoàn bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Tài chính của Liên đoàn:

a) Nguồn thu:

- Lệ phí gia nhập hội viên Liên đoàn, lệ phí hằng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật;
- Tiền viện trợ, tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật;
- Từ các dịch vụ tổ chức của Liên đoàn theo quy định của Nhà nước;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Liên đoàn

- Chi các hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn;
- Chi thực hiện nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Liên đoàn theo quy định của hội phù hợp với quy định của pháp luật (khi có điều kiện);
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của hội;
- Chi mua sắm phương tiện làm việc và thuê trụ Sở (nếu có);
- Chi các hoạt động chuyên môn đối ngoại;
- Chi hỗ trợ các Hội viên, câu lạc bộ để phát triển phong trào;
- Các khoản chi khác.

2. Tài sản của Liên đoàn:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Liên đoàn và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Liên đoàn được hình thành từ nguồn kinh phí của Liên đoàn do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Liên đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Liên đoàn. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi Liên đoàn chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Liên đoàn kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Liên đoàn là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;
- Đối với tài sản của Liên đoàn được hình thành từ nguồn tự có của Liên đoàn thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Liên đoàn.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn:

a) Tài chính, tài sản của Liên đoàn chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Liên đoàn;

b) Tài chính, tài sản của Liên đoàn khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Liên đoàn ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Liên đoàn phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Liên đoàn;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Liên đoàn (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải quyết tài sản, tài chính khi Liên đoàn chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Liên đoàn

1. Giải quyết tài sản, tài chính của Liên đoàn khi chia, tách:

a) Sau khi chia Liên đoàn, Liên đoàn bị chia chấm dứt hoạt động, quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao cho Liên đoàn mới theo quyết định chia Liên đoàn;

b) Sau khi tách, các Liên đoàn thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính của mình phù hợp với mục đích hoạt động của Liên đoàn đó.

2. Giải quyết tài sản, tài chính của Liên đoàn khi sáp nhập:

a) Liên đoàn được sáp nhập vào Liên đoàn khác, thì tài sản, tài chính của Liên đoàn được sáp nhập chuyển giao cho Liên đoàn sáp nhập;

b) Liên đoàn sáp nhập được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản, tài chính hiện có, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán về tài sản, tài chính và các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện của Liên đoàn được sáp nhập.

3. Giải quyết tài sản, tài chính của Liên đoàn khi Liên đoàn hợp nhất:

a) Sau khi hợp nhất Liên đoàn thành Liên đoàn mới, các Liên đoàn hợp nhất chấm dứt tồn tại, Liên đoàn mới được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp, chịu

trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ mà các Liên đoàn hợp nhất đang thực hiện;

b) Tài sản, tài chính của các Liên đoàn hợp nhất không được phân chia, chuyển dịch mà được chuyển giao toàn bộ cho Liên đoàn mới.

4. Giải quyết tài sản, tài chính của Liên đoàn khi Liên đoàn bị đình chỉ hoạt động có thời hạn:

Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, Liên đoàn chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ phận thường trực giúp việc Liên đoàn hoạt động đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Giải quyết tài sản, tài chính khi Liên đoàn giải thể:

a) Không được phân chia tài sản của Liên đoàn. Việc bán, thanh lý tài sản của Liên đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Toàn bộ số tiền hiện có của Liên đoàn và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của Liên đoàn được thanh toán theo thứ tự sau:

- Chi phí giải thể Liên đoàn;

- Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- Nợ thuế và các khoản phải trả khác.

c) Đối với tài sản, tài chính tự có của Liên đoàn và tài sản, tài chính của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước tài trợ, viện trợ còn lại của Liên đoàn do cơ quan thuộc cấp nào cho phép thành lập thì được nộp vào ngân sách cấp đó. Đối với tài sản do ngân sách nhà nước cấp hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (nếu có) hội thực hiện chuyển giao cho cơ quan tài chính cùng cấp tương ứng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Khi Liên đoàn chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Liên đoàn kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

a) Đối với tài sản của Liên đoàn là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

b) Đối với tài sản của Liên đoàn được hình thành từ nguồn tự có của Liên đoàn thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và điều lệ của Liên đoàn.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân, hội viên, người làm việc tại hội có nhiều thành tích thì được Liên đoàn khen thưởng theo quy định của Liên đoàn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen

thường.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Cờ.

Điều 26. Kỷ luật

1. Hội viên, tổ chức thuộc Liên đoàn và người làm việc tại Liên đoàn vi phạm điều lệ, quy chế, quy định của Liên đoàn do hội xem xét, kỷ luật theo quy định của Liên đoàn. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn Cờ quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình, hình thức kỷ luật trong Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn Cờ.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn được Đại hội thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ tổng số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được Liên đoàn hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên đoàn Cờ tỉnh Gia Lai gồm 8 chương 28 Điều đã được Ban Chấp hành Liên đoàn thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Liên đoàn, Ban Chấp hành Liên đoàn Cờ có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.